lCâu 1 : Những hình thức lịch sử của phép biện chứng ? 2 nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật và ý nghĩa của việc nghiên cứu 2 nguyên lý này ?

Câu 2 : Nội dung 3 quy luật cơ bản của phép BCDV và ý nghĩa của việc nghiên cứu của quy luật này , đặc biệt chú ý quy luật Mâu Thuẫn (thống thất và đấu tranh của các mảng đối lập)

**Câu 3 : Nội dung học thuyết hình thái KT-XH ý nghĩa của việc nghiên cứu học thuyết này và vận dụng nó vào xã hội Việt Nam giai đoạn hiện nay.**

Câu 4 : Trình bày mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Ý nghĩa của việc nghiên cứu mối quan hệ này ?

Câu 5 : Trong tất cả các học thuyết triết học đã du nhập vào nước ta, học thuyết nào ảnh hưởng sâu sắc nhất đến vận mệnh  ( sự sống còn ) của dân tộc VN. Chức năng của triết học đó đối với cách mạng VN hiện nay.

Trả lời :

Câu 3 :

* Hình thái KTXH là gì ?
* Ý nghĩa của học thuyết :

+

+ Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

* Tóm tắt được nội dung học thuyết
* Rút ra ý nghĩa của học thuyết
* Trình bày sự vận dụng vào Xã Hội Việt Nam

Bài làm :

Xã hội muốn tồn tại thì phải có con người sống, con người muốn sống cần có ăn mặc, tư liệu sinh hoạt, để có được tư liệu sinh hoạt con người phải tiến hành tạo ra tư liệu sinh hoạt. C.Mác xuất phát từ quá trình nghiên cứu sản xuất của cải vật chất, khi nghiên cứu ông tìm ra được quy luật phát triển KTXH. Từ đó C.Mac xây dựng nên học thuyết hình thái KTXH.

Hình thái KTXH là đề cập đến 1 xã hội trọn vẹn trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Con nguời trải qua bao nhiêu giai đoạn lịch sử cụ thể thì có bấy nhiêu HTKT-XH

Đầu tiên xã hội hình thái CXNT phát triển sang hình thái CHNLệ phát triển sang hình thái PK phát triển sang TBCN. Nếu con người tìm ra được động lực nào, nguyên nhân nào làm cho HTKT-XH chuyển sang trạng thái mới và áp dụng động lực nguyên nhân đó thì xã hội sẽ phát triển.

  Cấu trúc của HTKT-XH bao gồm 3 yếu tố cơ bàn :

-Lực lượng sản xuất

-Quan hệ sản xuất

-Kiến trúc thượng tầng

Sơ đồ (vẽ sau)

Trong đó lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất cầu thành nên phương thức sản xuất

PTSX là cách thức sản xuất ra của cải vật chất của con người trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể. VD về việc sản xuất lúa trong qua các thời kỳ - Ở thời kỳ XHNT con người dùng sức người cây gậy để trồng lúa, đến XHCHNL thì dùng cuốc xẻng, các vật dụng thô sơ để thực hiện, XHPK biết dùng sức nước, sức gió, khí hậu, XH Tư bản thì dùng máy móc, công nghệ hiện đại.

PTSX quyết định các mặt của đời sống xã hội, mỗi xã hội đặc trưng bằng một phương thức sản xuất nhất định. VD như ở Vietnam việc trồng lúa còn thô sơ, con trâu đi trước cái cày theo sau, thời gian mùa vụ cũng khác so với ở các nước phát triển, họ đã dùng đến công nghệ , máy móc hiện đại để sản xuất lúa và thời gian mùa vụ cũng khác.

LLSX là toàn bộ các yếu tố tham gia vào quá trình sản xuất : có rất nhiều yếu tố tham gia vào quá trình sản xuất nhưng rút gọn lại ta có 2 yếu tố chính là người lao động (người tham gia vào quá trình sản xuất) và giới tự nhiên là TLSX . LLSX biểu hiện mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên trong quá trình sản xuất.

TLSX bao gồm TLLD và DTLD

TLDD bao gồm CCLD và PTLD

CCLD là những vật đống vai trò trung gian để truyền tải sức người vào vật khác (đối tượng lao động) VD : Chẳng hạn như người nông dân cày ruộng bằng con trâu và cái cày trên một mảnh ruộng thì công cụ lao động của người nông dân là con trâu và cái cày.. Vật nhận sự tác động của CCLD là DTLD (như ví dụ trên mảnh ruộng là đối tượng lao động)

PTLD là những vật hỗ trợ con người trong quá trình sản xuất : cầu,đường,bến, bãi.

Trong quá trình sản xuất nguời lao động là yếu tố quyết định. CCLD cực kỳ quan trọng vì quyết định năng suất lao động, mỗi công cụ lao đọng hoàn thiện ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của sản xuất, của XH, biểu hiện khả năng chinh phục giới tự nhiên của con người. Cải tiến CCLĐ là cách hiệu quả nhất để giải quyết mâu thuẫn muốnbỏ sức ít nhưng muốn được nhiều năng suất cap. VD : Trồng lúa nước ban đầu chỉ đơn giản gieo và gặt, sử dụng sức người công cụ thô sơ, năng suất rất thấp, nhưng dần con người đã biết xem xét loại đất thời tiết, mùa vụ, áp dụng máy móc vào sản xuất lúa để tăng năng suất và giảm công sức bỏ ra.

Tính chất của LLSX :

Vì Lực lượng sản xuất là thường xuyên biến đổi theo chiều hướng phát triển (từ cày cuốc đến máy móc, khoa học kỹ thuật)  nên nó là yếu tố động, mang tính cách mạng.

Quan hệ sản xuất là mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, quan hệ sản xuất cực kỳ phức tạp nhưng có 3 mối quan hệ chung nhất, khái quát nhất :

Quan hệ sở hữu  TLSX :

Công hữu về TLSX : TLSX được sở hữu bởi 1 tập thể, không thuộc quyền sở hữu về một cá nhân nào

Tư hữu về TLSX : TLSX thuộc sở hữu tư nhân

Quan hệ quản lý và phân công lao động : trong một bộ máy, một công ty không phải ai cũng làm việc giống nhau, ai cũng làm thời gian giống nhau, có người làm việc này, có người làm việc khác, người quản lý, người chịu quản lý…

Quan hệ phân phối sản phẩm : có người quyết định và có người nhận được quyết định

3 quan hệ này thể hiện quan hệ giữa người với người, quan hệ SHTLSX quyết định 2 quan hệ còn lại. VD Người làm chủ, ngườ sở hữu công ty sẽ quyết định về việc phân công lao cộng và phân phối sản phẩm.

Quan hệ sản xuất là yếu tố tĩnh, mang tính bảo thủ vì người nắm tư liệu sản xuất thường cố tình không muốn thay đổi, mang tính chất bảo thủ

Mối quan hệ giữa LLSX và QHSX thể hiện qua quy luật “ Quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất” VD : Trình độ của người lao động thấp không thể giao cho nhiệm vụ cao, sử dụng các thiết bị công nghệ cao được.

**Trình độ của lực lượng sản xuất thể hiện ở : sức khỏe và trí tuệ của người lao động, hàm lượng khoa học trong công cụ lao động và phương tiên lao động, tính chất hợp lý trong khai thác đối tượng lao động.**

**Tóm tắt nội dung quy luật :**

Trình độ của lực lượng sản xuất thường xuyên phát triển. Khi lực lượng sản xuất phát triển đến một mức độ nhất định thì quan hệ sản xuất phải thay đổi cho phù hợp với trình độ mới của lực lượng sản xuất. Khi đó, phương thức sản xuất mới ra đời. Trong toàn bộ quá trình này, nếu quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất thì nó sẽ thức đẩy lực lượng sản xuất phát triển, nếu không phù hợp, nó sẽ kìm hãm toàn bộ sự phát triển ấy.

**Ý nghĩa phương pháp luận**

Để sản xuất phát triển, xã hội phát triển :

Phải đầu tư vào sự phát triển của lực lượng sản xuất, trong đó trước hết và quan trọng nhất phải đầu tư vào sự phát triển của người lao động và công cụ lao động.

Phải từng bước hoàn thiện tất cả các quan hệ của quan hệ sản xuất (đăc biệt là quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất) để quan hệ sản xuất có thể tác động tích cực trở lại lực lượng sản xuất

Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng :

Cơ sở hạ tầng là toàn bộ nhưng quan hệ sản xuất tạo nên kết cấu kinh tế của xã hội gồm :

* QHSX thống trị,
* QHSX tàn dư,
* QHSX mầm mống,

Ví dụ ý nghĩa về cơ sở hạ tầng :

Xã hội loài người đã trải qua Phương thức sản xuất chiếm hữu nô lệ đến phương thức sản xuất phong kiến đến phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Xét chúng ta đang đứng tại thời kỳ XH phong kiến và đang hiện hành là phương thức sản xuất phong kiến, lúc này phương thức sản xuất phong kiến là quan hệ sản xuất thống trị, còn phương thức sản xuất chiếm hữu nô lệ là quan hệ sản xuát tàn dư do rất nhiều cái ở PTSXCHNL vẫn tồn tại sang XH phong kiến, QHSXTBCN là QHSX mầm móng vì sẽ bắt đầu xuất hiện , ở trạng thái mầm móng của QHSXTBCN ở xã hội phong kiến.

Kiến trúc thượng tầng là hệ tư tưởng và các thiết chế tương ứng với hệ tư tưởng ấy

Hệ tư tưởng : các học thuyết, lý luận, hệ thống các quan điểm

Thiết chế tương ứng : các tổ chức người và phương tiện vật chất mà các tổ chức ấy sử dụng để thực hiện hệ tư tưởng.

VD : CÁc học thuyết khoa học chính là hệ tư tưởng, còn trung tâm nghiên cứu các viện, tổ chức khoa học chính là thiết chế tương ứng.

VD2 : học thuyết phật giáo là hệ tư tưởng, chùa, giáo hội chính là thiết chế tương ứng.

Tùy vào từng vùng, từng giai đoạn lịch sử mà vai tròn các yếu tố trong kiến trúc thượng tầng thể hiện khác nhau VD : ở thời kỳ phong kiến, Nho giáo đã từng là quốc giáo của Việt Nam nhưng hiện tại Nho đã không còn là hệ tư tường chính thống.

**Mỗi quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng thể hiện qua 2 nội dung :**

**1 - Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, cơ sở hạ tầng như thế nào thì phải sản sinh ra một kiến trúc thượng tầng tương ứng. Cơ sở hạ tầng thay đổi thì kiến trúc tượng tầng thay đổi**

**2 - Kiến trúc thượng tầng tác động trở lại cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng luôn luôn củng cố và bảo vệ CSHT sản sinh ra nó VD Nhà nước XHCN , hệ tư tưởng XHCN , nhà nước XHCN sẽ tìm mọi cách để bảo vệ CSHT XHCN**

**KTTT sẽ thúc đầy hoặc kìm hảm qhsx VD ….**

**Ý nghĩa phương pháp luận : để xã hội phát triển, phải :**

1. **không ngừng từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông qua việc hoàn thiện quan hệ sản xuất thống trị và mối quan hệ của nó với các loại quan hệ sản xuất khác, thúc đầy sản xuất phát triển**
2. **Không ngừng hoàn thiện kiến trúc thượng tầng thông qua việc xây dựng hệ tư tưởng khoa học, nhân văn, xây dựng thiết chế tương ứng nghĩa là , xây dựng bộ máy Đảng, nhà nước trong sạch, vứng mạnh để tác động theo chiều tích cực đến cơ sở hạn tầng, đến nền kinh tế của xã hội**

**TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ XÃ HỘI**

**Mỗi hình thái kinh tế-  xã hội là một xã hội trọn vẹn, có cầu trúc phức tạp song 3 yếu tố cơ bản là lực lượng sản xuát, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng. Lực lượng sản xuất là yếu tố tường xuyên phát triển khi nó phát triển đến một mức độ nhất định thì quan hệ sản xuất phải thay đổi theo. Quan hệ sản xuất thay đổi làm cơ sở hạ tầng thay đổi, cơ sở hạ tầng thay đổi dẫn đến sự thay đổi của kiến trúc tượng tầng đến đây tất cả các yếu tố tạo nên một hình thái kinh tế -  xã hội đã thay đổi. Hình thái kinh tế- xã hội này chuyển sang một Hình thái kinh tế -xã hội khác cao hơn, xã hội này chuyển sang một xã hội khác phát triển hơn.**

**Ý nghĩa của học thuyết Hình thái kinh tế- xã hội :**

**Sản xuất vật chất là cơ sở tồn tại và phát triể của xã hội, phương thức sản xuất giữ vai trò quyết định đối với toàn bộ đời sống xã hội.  Sự phát triển hình thái KT-XH là quá trình lịch sử tự nhiên tức là sự phát triển này không tuân theo ý muốn chủ quan của con người mà theo quy luật khách quan, trong đó trước hết và quan trọng nhất là quy luật về lực lượng sản xuất - quan hệ sản xuất, quy luật về cơ sở hạ tầng - kiến trúc thượng tầng. Con người biết và vận dụng để xã hội phát triển nhanh hơn**

**Muốn xã hội phát triển thì quan trọng nhất phải đầu tư vào sự phát triển của lực lượng sản xuất, và trong lực lượng sản xuất quan trọng nhất là sự phát triển của người lao động và công cụ lao động. Từng bước hoàn thiện QHSX thông qua chính sách tư liệu sản xuất, phân phối tiền lương…**

**-Xây dựng được hệ tư tưởng khoa học, cách mạng nhân văn, xây dựng bộ máy đảng, nhà nước trong sạch vững mạnh.**

**- Ở nước ta hiện nay thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa là đang phát triển lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất nước ta dang thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần. Kinh tế nước ngoài đầu tư, trong nước mỗi thành phần kinh tế là một kiểu QHSX.**

**Về hệ tư tưởng : Xây dựng hệ tư tưởng cách mạng nhân văn theo chủ nghĩa Mac-Lenin, tư tưởng HCM. Khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu.**

**Thiết chế tư tưởng : Xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh.**

—-----------------------------------------------------------

**Câu 1 : Câu 1 : Những hình thức lịch sử của phép biện chứng ? 2 nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật và ý nghĩa của việc nghiên cứu 2 nguyên lý này ?**

Các ý cần trình bày :

Phép biện chứng là gì ?

* Giới thiệu 3 hình thức lịch sử của phép biện chứng (mỗi loại hình có thời gian ra đời, thời gian đạt đến đỉnh cao) đánh giá nó.
* Phép chất phát
* Phép duy tâm
* Phép duy vật
* Trình bày 2 nguyên lý của phép biện chứng duy vật

+Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

1 Tóm tắt nội dung của Nguyên lý

2 Trả lời được câu hỏi mối liên hệ nó là cái gì

3 Phân tích : Tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng, phong phú

4 Rút ra ý nghĩa của nguyên lý này :

* con người phải tôn trọng nguyên tắc toàn diện (phân tích nó)
* Tôn trọng nguyên tắc lịch sử - cụ thể (phải lý giải)

+Nguyên lý 2 về sự phát triển

- tóm tắt nội dung của nguyên lý

- Phân biệt trạng thái động và trạng thái phát triển

- Trình bày tính chất của sự phát triển (tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng phong phú.) -> lý giải

Ý nghĩa của việc nghiên cứu này -> lý giải

Bài làm :

Biện chứng là khái niệm dùng để chỉ mối liên hệ của sự vận động và phát triển của các sự vật  và hiện tượng trong tự nhiên, xã hội, tư duy. Gồm biện chứng khách quan :   là biện chứng vốn có của thế giới vật chất không phụ thuộc vào con người, biện chứng chủ quan : là sự biện chứng của ý thức con người.

VD : biện chứng học tập là các mối liên hệ học tập như chăm học hay không chăm học, học các môn gì, xếp loại học lực .vvv.

Phép biện chứng là học thuyết về các mối liên hệ về sự vận động và phát triển, trong đó học thuyết là sản phẩm của nhận thức, phép biện chứng thể hiện tri thức của con người về các mối liên hệ của sự vận động và phát triển. Phép biện chứng thuộc về biện chứng chủ quan.

Nhận thức của con người không cố định, có thay đổi và phép biện chứng cũng thay đổi. Phép biện chứng vừa là lý luận, vừa là phương pháp.

* Là lý luận vì phép biện chứng là học thuyết về các mối liên hệ, học thuyết về sự vận động và phát triển.
* Là phương pháp vì phép biện chứng là hệ thống những yêu cầu đòi hỏi con người phải thực hiện trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.

Trong lịch sử, phép biện chứng đã phát triển qua 3 hình thức :

1)Phép biện chứng chất phác.

2)Phép biện chứng duy tâm.

3)Phép biện chứng duy vật.

Phép biện chứng chất phát biểu hiện rõ ở thời cổ đại, các nhà triết học đã thấy được các sự vật hiện tượng trong quá trình hình thành, phát triển, bản thân đối tượng có mối liên hệ, tác động lẫn nhau tạo ra sự vận động và phát triển. Tiêu biểu cho phép biện chứng chất phác thời cổ đại ở phương Đông là thuyết Âm dương (các cập đối lập lạnh - nóng, sáng tối, trắng đen, nam nữ) - Ngũ hành ( vạn vật sinh ra từ 5 nguyên tố cơ bản là kim mộc thủy hỏa thổ) ở Trung Quốc . Tiêu biểu cho phép biện chứng chất phác thời cổ đại ở phương Tây được thể hiện trong triết học của Heraclitus ở Hy Lạp đã thấy được thế giới vật chất luôn vận động biết đổi. Phép biện chứng thời cổ đại còn mang tính ngây thơ chất phác vì những điều các nhà biện chứng nhận thức được về thế giới chưa được lý giải bằng khoa học thực nghiệm mà chỉ là ý kiến của các nhà triết học

Phép biện chứng duy tâm: đây là phép biện chứng của nhà triết học duy tâm.biện chứng được bắt đầu từ tinh thần và kết thúc ở tinh thần, thế giới hiện thực chỉ là biểu hiện của các ý niệm nên biện chứng của các nhà triết học cổ điển Đức là biện chứng duy tâm. Đỉnh cao của nó là triết học của Hegel. Ông cho rằng sự vận động và phát triển trong thế giới tinh thần trước,  vũ trụ khởi đầu từ ý niệm và kết thúc cũng là ý niệm. Cống hiến của ông là lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại đã trình bày nội dung của phép biện chứng dưới dạng học thuyết, lý luận chặc chẽ, quan niệm toàn bộ giới tự nhiên vận động và phát triển không ngừng, đó là mặt tích cực của học thuyết, còn hạn chế là đứng trên chủ nghĩa duy tâm. ngoài giá trị học thuật thì nó chưa ý nghĩa lớn cho ý nghĩa lớn cho vấn đề nhận thức và cải tạo thế giới

Phép biện chứng duy vật : Được Mac-Angen xây dựng giữa TK 19 trên cở sở kế thừa những nội dung hợp lý trong phép biện chứng duy tâm của Hegel và xây dựng phép biện chứng duy vật,và đây là đỉnh cao của phép biện chứng.

Nội dung phép biện chứng duy vật : Nội dung rất phức tạp nhưng khái quát thành 2 nguyên lý. hai nguyên lý được cụ thể hoá qua các quy luật cơ bản và các quy luật không cơ bản (các cặp phạm trù) :

**Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến :**

không có sự vật hiện tượng nào tồn tại cô lập, tách rời khỏi những sự vật, hiện tượng khác  chúng nằm trong mối  quan hệ chằn chịt, liên hệ với nhau.

Khái niệm mối liên hệ : Dùng để chỉ sự tác động qua lại lẫn nhau, ràng buộc nhau, góp phần quy định sự tồn tại, chuyển hoá nhau lẫn nhau của các sự vật, hiện tượng, quy định sự tồn tại và phát triển.

**VD : Ở công ty, quản lý tác động với nhân viên bằng email, lời nói để quản lý, giao việc cho nhân viên, nhân viên thông qua hiệu quả công việc, thái độ làm việc tác động ngược lại quản lý, góp phần quy định sự tồn tại và phát triển lẫn nhau, phát triển của công ty.**

 Những tính chất cơ bản của mối liên hệ :

Tính khách quan : Các mối liên hệ tồn tại ngoài ý thức, không phụ thuộc vào ý thức của con người. Mối liên hệ vẫn tồn tại dù cho con người bị diệt vong.

 Tính phổ biến :bất kỳ sự vật nào, hiện tượng nào cũng có mối liên hệ,ở đâu cũng có mối liên hệ, lúc nào cũng có mối liên hệ.Ngay trong cùng sự vật hiện tượng, bất kỳ yếu tố nào đều có mối liên hệ với nhau.

Tính đa dạng phong phú :  Sự vật khác nhau, không gian khác nhau, thời gian khác nhau thì các mối liên hệ khác nhau.

VD : Nhân cách của con người phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Như mối liên hệ về gia đình, mối liên hệ về tôn giáo, mối liên hệ về trường học, mối liên hệ vể nơi sinh sống

Ý nghĩa phương pháp luận :

Thứ nhất, nếu các mối liên hệ có tính khách quan, tính phổ biến thì trong hoạt động của mình, con người phải tôn trọng nguyên tắc toàn diện. Khi con người nhận thức hay đánh giá về một đối tượng nào đó thì pảhi tìm hiểu tất cả các mối liên hệ mà nó có và phân biệt mối liên hệ đó, muốn xây thì phải chống, chống lại những tư tưởng phiến diện, nhưng thưc ra không bao giờ con người hiểu hết các mối liên hệ nhưng con người hiểu càng nhiều mối liên hệ bao nhiêu thì sai lầm sẽ ít bấy nhiêu.

Thứ hai, nếu các mối liên hệ có tính đa dạng, phong phú thì trong hoạt động của mình, con người phải tôn trọng nguyên tắc lịch sử - cụ thể. Nguyên tắc lịch sử - cụ thể đòi hỏi : khi nhận thức một đối tượng nào đó con người phải đặt đối tượng ấy vào đúng không gian, đúng thời gian và đúng mối liên hệ của nó, nếu không đặt đúng không gian thời gian thì không có ý nghĩa gì cả, và muốn xây thì phải chống, chống tư tưởng hời hợt, đại khái.

**Nguyên lý về sự vận động và phát triển**

Mọi sự vật hiện tượng không ngừng vận động trong khuynh hướng chung là phát triển.

Vận động là khái niệm chỉ mọi sự biến đổi, đây là sự biến đổi chưa xác định chiều hướng

Phát triển là khaí niệm chỉ quá trình vận đọng theo hướng từ trình độ thấp đến trình độ cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện.

Tính chất của sự phát triển :

Phát triển có 3 tính chất cơ bản :

Tính khách quan : Vận động phát triển tồn tại bên ngoài ý thức con người

Tính phổ biến : ở đâu cũng diễn ra trạng thái vận động phát triển, lúc nào cũng diễn ra trạng thái phát triển

Tính đa dạng, phong phú : phát triển khác nhau

từ 3 tính chất ấy, người ta rút ra ý nghĩa  : đòi hỏi con người trong cuộc sống phải tôn trọng nguyên tắc phát triển. Nguyên tắc phát triển: khi nhận thức đánh giá một đối tượng naò đó, con người phải đặt đối tượng nằm trong khuynh hướng chung của  phát triển và để thực hiện nguyên tắc này thì pảhi chống lại tư tưởng bảo thủ, trì trệ. Trên thế giới không có gì là bất biến, và nó nằm trong xu thế phát triển.

VD :

2 nguyên lý được cụ thể hóa qua các quy luật cơ bản , các quy luật được chia thành 2 loại :

i.

* Các quy luật không cơ bản (các cặp phạm trù cơ bản) : có 6 cặp phạm trù cơ bản :

1. Cái chung và cái riêng

cái riêng là phạm trù được dùng để chị một sự vật, một hiện tượng. một quá trình riêng lẻ nhất định VD một con người, 1 quốc gia

cái chung alf phạm trù đừng để chỉ những mặt, những thuộc tính chung không những có ở một kết cấu vật chất nhất định, mà còn được lặp lại trong nhiều sự vật hiện tượng hay quá trình riêng lẻ khác. VD sản xuất, tái sản xuất

2. Nguyên nhân và kết quả

một hiện tượng A mà tác động của nó gây nên  làm biến đổi một hiện tượng B thì A được gọi là nguyên nhân , B được gọi là kết quả. Nguyên nhân là sự tương tác giữa các mặt trong sự vật hay giữa các sự vật với nhau gây ra những biến đổi nhất định

Kết quả là những biến đổi xuất hiện do sự tác động lẫn nhau của các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau

3. Tất nhiên và ngẫu nhiên

Tất nhiên là cái do những nguyên nhân cơ bản bản bên trong của kết cấu vật chất quyết định và trong những hiện tượng nhất định, nó phải xảy ra đúng như thế chứ không thể khác được.

Ngẫu nhiên là cái không phải do mối quan hệ bản chất của các kết cấu vật chất, bên trong sự vạt quyết định mà do yếu tố bên ngoài, do sự ngẫu nhiên, nhiều hoàn cảnh bên ngoài quyết định. do đó nó có thể xuất hiện hoặc không xuất hiện, thế này hoặc thế khác. VD gieo 1 xúc xắc sẽ có 1 mặt xấp , 1 mặt ngữa là tất nhiên, nhưng mật nào xấp, ngửa là ngẫu nhiên.

4. Nội dung và hình thức

Nội dung là tổng hợp tất cả những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo nên sự vật.

Hình thức là phương thức tồn tại và phát triển của sự vật ấy, là hệ thống các mối quan hệ tương đối bền vững giữa các yếu tố của nó.

 Hình thức: bố cục của tác phẩm, là các hình tượng nghệ thuật, là ngôn ngữ, phong cách bút pháp v.v... được dùng để diễn đạt nội dung, diễn đạt những tư tưởng, những vấn đề của cuộc sống mà tác phẩm muốn nêu lên

5. Bản chất và hiện tượng

Bản chất là tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ tất nhiên tương đối ổn định ở bên trong sự vật, quy định sự vận động và phát triển của sự vật đó.Còn hiện tượng là sự biểu hiện của những mặt, những mối liên hệ ấy ra bên ngoài.

VD. Trong một nguyên tố hóa học thì bản chất đó là mối liên hệ giữa nguyên tử và hạt nhân. Hiện tượng đó là những tính chất hóa học của nguyên tố đó khi tương tác với các nguyên tố khác.

6. Khả năng và hiện thực

khả năng là cái hiện chưa có, chưa tới nhưng sẽ tới, sẽ có khi có các điều kiện thích hợp

Hiện thực là tất cả những cái gì hiện có, hiện đang tồn tại thực sự.

6 cặp phạm trù này cho chúng ta hiểu được tính đa dạng của các mối liên hệ.

Phạm trù là những khái niệm cơ bản không thể thiếu được trong ngành khoa học nào đó, nó phản ánh đặc trung chung nhất của một nhóm đối tượng….

3 Quy luật cơ bản :

1 - Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

2 -Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn dến những thay đổi về chất và ngược lại ( lượng - chất)

3 - Quy luật phủ định của phủ định

—--------------------------------------------------------------------------------------------

**Câu 2 : Nội dung 3 quy luật cơ bản của phép BCDV và ý nghĩa của việc nghiên cứu của quy luật này , đặc biệt chú ý quy luật Mâu Thuẫn (thống thất và đấu tranh của các mảng đối lập)**

Các ý cần trình bày :

 - Tóm tắt nội dung của Quy luật

- Phân tích nội dung của Quy luật

—-> phải trả lời được những câu hỏi :

 1-Mặt đối lập là gì ?

 2 - Mâu thuẫn là gì

 3- Những tính chất cơ bản của mâu thuẫn

 4-như thế nào là thống nhất của các mảng đối lập

 5-như thế nào là đấu tranh của các mảng đối đối lập

 6-kết quả đấu tranh của các mảng đối lập

* Ý nghĩa của việc nghiên cứu quy luật

**Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập (Quy luật mâu thuẫn)** : đây là quy luật quan trọng nhất của phép biện chứng duy vật vì nó cho chúng ta hiểu nguồn góc của sự vận động và phát triển . Nó là hạt nhân của phép BCDV

Mặt đối lập : Khái niệm dùng để chỉ những mặt có khuynh hướng vận động ngược chiều nhau nhưng là điều kiện, tiền đề tồn tại của nhau.

Mâu thuẫn là khái niệm dùng để chỉ mối liên hệ thống nhất, đấu tranh, chuyển hóa giữa các mặt đối lập.

Tóm tắt nội dung  :  Mỗi sự vật, hiện tượng là một thẻ thống nhất bao gồm những yếu tố khác nhau, liên kết với nhau tạo thành, trong đó có những yếu tố vận động ngược chiều nhau, gọi là những mặt đối lập. Cứ 2 mặt đối lập tạo nên 1 mâu thuẫn. Những mặt đối lập vừa thống nhất với nhau, vừa đấu tranh với nhau. Đấu tranh của các mặt đối lập phát triển đến một mức độ nhất định thì mâu thuẫn được giải quyết. Khi đó sự vật hiện tượng chuyển hóa. Sự vật mới ra đời. Sự vật mới tự có những mặt đối lập mới, những mâu thuẫn mới, những quá trình thống nhất và đấu tranh mới của các mặt đối lập để đến một lúc nào đó mâu thuẫn lại được giải quyết, sự vật lại chuyển hóa. Như vậy mâu thuẫn là nguồn gốc của sự vận động và phát triển.

vd : cây rễ thân cành trái là những phần trong sự vật có những phần vận động ngược chiều nhau như quá trình hấp thụ chất và quá trình đào thải chất. Trong lĩnh vực nào cũng có những cái vận động ngược chiều nhau, đối lập nhưng nó là điều kiện, tiền đề tồn tại của nhau. Hai mặt đối lập tạo nên 1 mâu thuẫn. một sự vật hiện tượng có chứa rất nhiều mặt đối lập , mâu thuẫn.

VD : Đồng hóa (quá trình nạp năng lượng tổng hợp chất sống từ những chất đơn giản, đồng thời tích lũy năng lượng - dị hóa (quá trình phân hủy một phần các chất sống phức tạp trong cơ thể thành các sản phầm đơn giản đồng thời giải phóng năng lượng. Đồng hóa và dị hóa thống nhất với nhau, đấu tranh với nhau và chuyển hóa lẫn nhau trong quá trình trao đổi chất của cơ thể.

trong xã hội Giai cấp thống trị và giai cấp bị trị

Những tính chất cơ bản của mâu thuẫn

Tính khách quan : mâu thuẫn là cái vốn có của sự vật hiện tượng

Tính phổ biến : Tất cả sự vật hiện tượng nào cũng có mâu thuẫn.

Tính đa dạng phong phú :

Thống nhất và đấu tranh của các mảng đối lập : các quá trình vừa thống nhất với nhau, vừa đấu tranh với nhau, cùng tồn tại song song vơi nhau. Và chúng ràng buộc nhau, quy định lẫn nhau nghĩa là khi mặt đối lập này thay đổi, chuyển hóa thì mặt đối lập kia thay đổi, chuyển hóa, mặt này lấy mặt kia làm điều kiện tiền để để tồn tại và ngược lại.

Vd bóc lột và bị bóc lột

VD : quan điểm về cái đẹp thay đổi  thì các xấu thay đổi, cái này bị thủ tiêu thì cái kia bị thủ tiêu.

VD : Đúng - sai, biết - chưa biết, chưa biết chuyển hóa thành biết, từ biết nảy sinh ra cái chưa biết mới.

Đấu tranh của các mặt đối lập : là sự tác động qua lại theo xu hướng bài trừ nhau, phủ định lẫn nhau.Đấu tranh của các mặt đối lập phát triển làm mâu thuẫn càng trở nên sâu sắc

Vd : Trong xã hội chiếm hữu nô lệ : Chủ nô và nô lệ, Phong kiến : nông dân địa chủ , vô sản - tư sản, cung cầu.

Ví dụ : Giải quyết mâu thuẫn trong quá trình học cao học

Ý nghĩa phương pháp luận :

Vì mâu thuẫn là nguồn gốc của sự phát triển nên muốn có sự phát triển trước hết phải tìm ra mâu thuẫn, phân loại mâu thuẫn và đánh giá đúng tầm quan trọng của từng mâu thuẫn.

Mâu thuẫn chỉ được giải quyết trong những điều kiện nhất định nên con người phải chủ động tạo ra những điều kiện cần thiết để giải quyết mâu thuẫn để đẩy nhanh quá trình phát triển

Quy luật cơ bản thứ 2 :

**Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn dến những thay đổi về chất và ngược lại ( lượng - chất)** : Quy luật này giúp ta hiểu được cách thức của sự vận động và phát triển, vạn vật vận động bằng cách thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại.

Chất là khái niệm dùng để chỉ tính chất của sự vật hiện tượng làm cho nó là nó mà không phải là cái khác, phân biệt nó với những cái khác.

Lượng là tính chất của sự vật hiện tượng nhưng chưa là cơ sở để phân biệt sự vật ấy với những cái khác.

Tóm tắt nội dung quy luật : Mọi sự vật hiện tượng đều có chất và lượng. Trong đó chất tương đối ổn định và lượng thường xuyên biến đổi. Lượng biến đổi đến một mức độ nhất định thì chất sẽ thay đổi. Khi đó sự vật hiện tượng chuyển hóa. Sự vật, hiện tượng mới ra đời có chất mới và lượng mới.  Lượng vẫn thường xuyên biến đổi, nhưng sự biến đổi của lượng mới khác sự biến đổi của lượng cũ. Sự khác nhau này do chất quy định. Như vậy, từ những thay đổi về lượng đã dẫn dến sự thay đổi về chất, và từ những thay đổi về chất lại dẫn đến sự thay đổi về lượng. Đây là cách thức của sự vận động và phát triển.

VD : Viên phấn có màu sắc,, chiều cao thì những thuộc tính này là lượng vì nó không giúp phân biệt nó với các viên phấn khác

Con người : chiều cao, tôn giáo, học vấn là lượng chưa phân biệt được với những người khác, nhưng nhân cách là chất, vì mỗi người sẽ có một nhân các khác nhau để phân biệt giữa người này với người khác

Mối quan hệ biện chứng giữa chất và lượng : Bất kỳ sự vật hiện tượng nào cũng có chất và lượng, trong đó chất tương đối ổn định còn lượng thường xuyên biến đổi.

Lúc đầu, lượng biến đổi nhưng chất chưa thay đổi, song nếu lượng biến đổi đến một mức độ nhất định và trong những điều kiện nhất định thì chất sẽ thay đổi. Khi đó sự vật, hiện tượng này sẽ chuyển hóa sang sự vật hiện tượng khác.

VD. Nước bóc hơi ở 100 độ C

VD các bậc học

Giới hạn mà lượng biến đổi nhưng chất chưa thay đổi gọi là độ

Nơi diễn ra sự thay đổi về chất gọi là điểm nút.

Sự chuyển hóa từ chất cũ sang chất mới gọi là bước nhảy.

Sự thay đổi về chất làm sự  vật, hiện tượng này chuyển hóa thành sự vật hiện tượng khác.

Ở sự vật, hiện tượng mới, lượng vẫn thường xuyên biến đổi nhưng sự biến đổi của lượng mới khác sự biến đổi của lượng cũ cả về quy mô, tốc độ, chiều hướng v..v Sự khác nhau này do chất mới quy định. Như vậy từ những thay đổi về lượng đã dẫn đến sự thay đổi về chất và từ những thay đổi về chất cũng đã dẫn đến sự thay đổi về lượng.

Ý nghĩa phương pháp luận : Trong cuộc sống con người muốn phát triển thì con người phải tự giác tích lũy về lượng. Hết sức tránh hiện tượng đốt cháy giai đoạn, tránh muốn có sự thay đổi về chất khi lượng chưa thay đổi.

VD trìn độ thạc sĩ nhưng đó chỉ là tấm bằng, không bỏ công sức đi học, học tập và nghiên cứu thì chỉ có chất hư danh, chứ thực thì không có gì.

Vì điều kiện ảnh hưởng trực tiếp đến bước nhảy nên phải tạo ra hay xóa bỏ những điều kiện cần thiết để bước nhảy được thực hiện hoặc không được thực hiện theo nhu cầu của con người

Quy luật cơ bản thứ 3 :

**Quy luật phủ định của phủ định (Quy luật phủ định cái phủ định)**

Tóm tắt : Vận động và phát triển không diễn ra theo đường thẳng mà là quá trình quanh co, phức tạp được biểu diễn bằng hình xoắn ốc đi lên. Đây là quá trình phủ định của phủ định, tỏng cái mới ra  đời thay thế cái cũ và hết mỗi một chu kỳ sự vật hiện tượng lặp lại như cái ban đầu nhưng phát triển hơn

Phân tích nội dung :

Phủ định : khái niệm dùng để chỉ trạng thái này thay thế trạng thái khác trong quá tình vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng.

VD : Học vấn trình độ đại học thay thế  cho phổ thông, sau đại học thay thế cho đại học

Phân loại phủ định

Phủ định có thể phân thành 2 loại :

Phủ định sạch trơn.

Phủ định biện chứng (phủ định của phủ định hay phủ định cái phủ định)

Phủ định sạch trơn là phủ định

1 ) do nguyên nhân bên ngoài gây nên.

2) không có tính kế thừa nên không tạo được tiền đề cho sự phát triển

VD : Giết 1 con vật từ trạng thái sống sang trạng thái chết. Trạng thái mới không phát triển.

Phủ định biện chứng : (phủ định của phủ định - phủ định cái phủ định) là phủ định của sự phát triển

VD : Lúa mì đập  hay xay ra thì đó là phủ định sạch trơn

Lúa mì đặt trong điều kiện nhất định sẽ chuyển sang trạng thái nẩy mầm, và khi có điều kiện nhất định như chất dinh dưỡng, nhiệt độ phù hợp trở thành cây lúa, ở điều kiện nhất định cây lúa sẽ ra hạt

Nẩy mầm phủ hạt lúa, cây lúa là phủ định hạt lúa nẩy mần, cây lúa ra hạt là phủ định của cây lúa.

1. Phủ đinh của sự phát triển mang tính khách quan
2. Do nguyên nhân bên trong, năng lực nội tại
3. Thực hiện được tính kế thừa : sự vật ra đời sau giữ lại 1 số yếu tố của sự ra đời trước dùng cho sự tồn tại và phát triển. Không có sự kế thừa thì không có phát triển., tốc độ kế thừa quyết định tốc độ phát triển
4. Có chu kỳ , có cái mới ra đời thay thế cái cũ. Cái mới này thường yếu

VD : con người học tập để  có kiến thức, đi từ cái chưa biết này đến sự chưa bết. khác nhưng sự chưa biết thông thái hơn sự chưa biết trước.. và sẽ phát trinh ra những cái mới trong quá trình học tập,

1. Có sự đào thải, tự sàng lọc. Nếu không có năng lực nội tại và tính kế thừa thì sẽ bị đào thải

Ý nghĩa phương pháp luận :

1. Thấy được vai trò quyết định của nguyên nhân bên trong để phát huy nội lực
2. Phải thấy được tầm quan trọng của tính kế thừa để tự giác, tích cực chọn lọc kế thừa
3. Phải có thái độc đúng đối với cái đang được khẳng định và cái mới.
4. Thấy tính chất phức tạp của quá trình phát triển để không bi quan trước những khúc quanh trong quá trình phát triển. Nếu như trong cuộc sống có vấp ngã sẽ thấy lạc quan hơn.